

Bản án số: 22/2023/DS-ST
Ngày: 31/5/2023
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng
hóa

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Bảnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Thị Hoa

Ông Nguyễn Tấn Đức

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân
huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang
tham gia phiên tòa:** Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Minh,
tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 198/2022/TLST-DS
ngày 26 tháng 12 năm 2022 về “tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2023/QĐXXST-DS ngày 24
tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Minh Đ**, sinh năm 1975

Địa chỉ: khu phố H, thị trấn T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1977

Địa chỉ: ấp V, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của anh N: Chị **Nguyễn Cẩm L** (vợ anh N),
sinh năm 1979

Địa chỉ: ấp V, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh **Trang Văn T**, sinh năm 1978

Địa chỉ: ấp V, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

+ Chị **Nguyễn Cẩm L** (vợ anh N), sinh năm 1979

Địa chỉ: ấp V, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Nguyễn Minh Đ trình bày: Vào ngày 14/11/2022 vợ chồng anh N có đến cửa hàng của anh để mua gạch và nước sơn, tổng cộng 3 hóa đơn mua hàng là 48.420.000đồng. Sau đó vợ chồng anh N trả được 35.000.000đồng, còn nợ lại 13.420.000đồng. Trong quá trình xây dựng đến giai đoạn sơn nhà, anh T là thợ xây dựng của anh N lấy nước sơn nội thất đem sơn ngoại thất. Do không sử dụng đúng theo tiêu chuẩn chất lượng nên sơn bị bong tróc, anh N gọi điện thoại chửi bới nói anh bán nước sơn quá hạn. Anh có đến tận nơi xem lại và nhờ địa phương lập biên bản. Khi đó mới phát hiện là do anh T sơn nhầm. Sau đó anh, anh N, anh T cũng có thương lượng với nhau nhưng không được, đưa ra Ban lãnh đạo ấp hòa giải cũng không được. Anh khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh N, chị L phải trả cho anh tiền vật tư còn nợ là 13.420.000đồng.

Ngày 28/3/2023 anh có cho người đến nhận lại các thùng gạch còn nguyên, nhận lại được 6 thùng gạch x 220.000đồng/thùng = 1.320.000đồng nên hiện nay vợ chồng anh N còn nợ lại anh số tiền mua hàng vật tư là 13.420.000đồng - 1.320.000đồng = 12.100.000đồng, trong đó tiền nước sơn 4.000.000đồng và tiền gạch 8.100.000đồng. Nay anh yêu cầu vợ chồng anh N phải trả lại cho anh tiền vật tư còn thiếu tổng cộng là 12.100.000đồng, ngoài ra không còn yêu cầu nào khác. Anh không có yêu cầu gì với anh T.

* Bị đơn anh Nguyễn Văn N trình bày: Anh thừa nhận có mua gạch, vật tư, nước sơn của anh Đ, còn thiếu số tiền 13.420.000đồng. Lý do anh chưa trả tiền là vì anh mua 3 thùng nước sơn với giá 4.000.000đồng sau đó sơn lên bị bong chóc hết mặt ngoài trời (anh không biết lỗi do nước sơn hay do thợ, anh Đ có yêu cầu địa phương lập biên bản); ngoài ra anh mua gạch, khi mua có thỏa thuận thừa, không sử dụng, còn nguyên vẹn sẽ trả lại cho anh Đ, nay còn dư khoảng 47- 50 thùng, giá mỗi thùng như hóa đơn anh Đ cung cấp, đề nghị anh Đ chở về và trừ theo nguyên giá ban đầu.

Anh xác định anh sẽ trả tiền vật tư còn thiếu cho anh Đ với điều kiện anh Đ trừ lại số thùng gạch còn dư; trừ 3 thùng nước sơn với giá 4.000.000đồng

hoặc anh Đ và anh T tự thỏa thuận giải quyết cho xong việc phía ngoài nhà anh bị hư hỏng.

Anh xác định anh không có khởi kiện, không có phản tố đối với anh T trong vụ án này. Còn anh Đ khởi kiện anh là việc của anh Đ. Hiện nay anh còn nợ tiền xây nhà của anh T là 8.000.000đồng, anh không trả cho anh T vì khi nào anh T đến làm khắc phục xong mặt ngoài nhà thì anh sẽ trả.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Cẩm L trình bày: Chị thống nhất với lời trình bày của chồng là anh N. Chị xác định vợ chồng chị sẽ trả tiền vật tư còn thiếu cho anh Đ với điều kiện anh Đ trừ lại số thùng gạch còn dư; trừ 3 thùng nước sơn với giá 4.000.000đồng hoặc anh Đ và anh T tự thỏa thuận giải quyết cho xong việc phía ngoài nhà bị hỏng. Chị xác định chị không có khởi kiện, không có phản tố đối với anh T trong vụ án này. Anh Đ đi khởi kiện là việc của anh Đ.

Chị xác định ngày 28/3/2023 anh Đ có cho người đến nhận lại được 6 thùng gạch còn nguyên, đơn giá như anh Đ trình bày.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trang Văn T trình bày: Anh là thợ xây nhà cho anh N, do anh N thuê. Quá trình sơn nhà cho anh N có bị hư hỏng vách mặt ngoài. Khi xảy ra sự việc, anh, anh N và anh Đ có gặp nhau để thương lượng nhưng không được, địa phương có lập biên bản sự việc. Hiện nay anh N còn nợ tiền thuê anh xây nhà là 9.000.000đồng nhưng chưa trả. Anh có ý muốn giảm bớt cho anh N 1.000.000đồng nhưng vợ chồng anh N không đồng ý. Anh chưa có yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn anh Đ yêu cầu vợ chồng anh N, chị L có nghĩa vụ trả cho anh tiền vật tư còn thiếu tổng cộng là 12.100.000đồng.

Còn chị L thừa nhận hiện nay tiền vật tư còn thiếu là 12.100.000đồng nhưng không đồng ý trả tiền cho anh Đ với lý do anh Đ phải tự đến nhà chị chở hết phần gạch còn thừa về, anh Đ và anh T phải tự thỏa thuận giải quyết cho xong việc phía ngoài nhà của chị bị hỏng.

Anh T có ý kiến cho rằng anh cũng có thương lượng với vợ chồng anh N nhưng không được nên đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự anh Đ, anh N, chị L đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Riêng anh T vắng mặt tại phiên họp lần thứ hai và phiên tòa lần thứ nhất mà không có lý do là chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn anh Nguyễn Minh Đ khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Văn N có nghĩa vụ trả số tiền mua bán vật tư xây dựng. Theo Điều 430 Bộ luật Dân sự và khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật trong vụ án này là “tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

[2] Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Trang Văn T vắng mặt, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng anh T vắng mặt lần thứ nhất không có lý do là chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đến khi triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai anh T mới có mặt và có lời trình bày.

[3] Anh Đ khởi kiện cho rằng vợ chồng anh N, chị L có mua vật tư xây dựng, hiện nay còn nợ là 12.100.000đồng, anh yêu cầu nhiều lần nhưng đến nay vợ chồng anh N chưa thanh toán.

Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự về nghĩa vụ chứng minh, các hóa đơn ngày 14/11/2022, lời khai của các đương sự tại biên bản hòa giải ngày 28/3/2023 và lời trình bày tại phiên tòa sơ thẩm có đủ cơ sở để kết luận vợ chồng anh N có mua vật tư xây dựng (gồm nước sơn, gạch) và hiện nay còn nợ số tiền 12.100.000đồng chưa thanh toán (bút lục 01-03, 44, 45). Đây là những tình tiết, sự kiện được các đương sự thừa nhận, không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo quy định tại Điều 430, 440 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì hợp đồng mua bán tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên bán chuyển quyền sở

hữu tài sản cho bên mua và bên mua trả tiền cho bên bán. Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng. Trường hợp các bên chỉ có thỏa thuận về thời hạn giao tài sản thì thời hạn thanh toán tiền cũng được xác định tương ứng với thời hạn giao tài sản. Nếu các bên không có thỏa thuận về thời hạn giao tài sản và thời hạn thanh toán tiền thì bên mua phải thanh toán tiền tại thời điểm nhận tài sản. Xét thấy anh Đ đã giao vật tư xây dựng cho bên mua là vợ chồng anh N theo đúng thỏa thuận.

Còn vợ chồng anh N cho rằng anh chị mua 3 thùng nước sơn với giá 4.000.000đồng sau đó sơn lên bị bong chóc hết mặt ngoài trời nhưng không biết lỗi do nước sơn hay do thợ sơn; anh Đ phải tự đến nhà vợ chồng chị chờ hết phần gạch còn thừa về. Xét thấy, khi sự việc xảy ra, địa phương có lập biên bản sự việc ngày 22/11/2022, trong đó có ghi "...ngày sản xuất 05/7/2022, hạn sử dụng 24 tháng...ngày 15/11/2022 thợ sơn sử dụng 01 thùng sơn trắng nội thất để sơn lót bên ngoài..." (bút lục 04); vợ chồng anh N đã nhận nước sơn và giao cho thợ sử dụng; vợ chồng anh N không có căn cứ gì để chứng minh anh Đ giao nước sơn không đúng chất lượng. Mặt khác, sau buổi hòa giải tại Tòa án ngày 28/3/2023, anh Đ có cho người đến nhận lại được 6 thùng gạch còn nguyên, phần còn lại rách bao bì, không còn nguyên vẹn nên không nhận. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét lời khai nại của vợ chồng anh N. Yêu cầu khởi kiện của anh Đ là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 430, 440 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Quá trình giải quyết vụ án, vợ chồng anh N xác định anh Đ khởi kiện là việc của anh Đ, vợ chồng anh N không có phản tố đối với anh Đ; cũng không có khởi kiện, không có phản tố đối với anh T trong vụ án này. Đến thời điểm đưa vụ án ra xét xử không có ai yêu cầu, cung cấp hoặc giao nộp cho Tòa án nên Tòa án không xem xét, giải quyết. Trường hợp các đương sự có tranh chấp thì có thể khởi kiện thành vụ án khác theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[5] Từ những nhận định trên, sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử nghị án nên chấp nhận ý kiến đề xuất của Kiểm sát viên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng anh N, chị L có nghĩa vụ trả cho anh Đ số tiền là 12.100.000đồng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Vợ chồng anh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là $12.100.000\text{đồng} \times 5\% = 605.000\text{đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 357, 430, 440, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh Nguyễn Minh Đ.

Buộc anh Nguyễn Văn N, chị Nguyễn Cẩm L có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Minh Đ số tiền mua bán vật tư là 12.100.000đồng (mười hai triệu một trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí sơ thẩm:

Vợ chồng anh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 605.000đồng (sáu trăm lẻ năm nghìn đồng).

Anh Đ không phải chịu án phí, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 335.000đồng theo lai thu số 0001057 ngày 21/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh.

3. Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Văn Bảnh